

**Bộ phận Chiến lược đầu tư**

**NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN - TRUNG LẬP**

**THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN PHỤC HỒI NHẸ TRONG QUÝ II**

**ĐIỂM NHẤN**

- Căn hộ mở bán và đã bán trong kỳ tại thị trường Hà Nội là kém hơn so với cùng kỳ năm ngoái (-37% y-o-y và -15% y-o-y). Tuy nhiên, việc bán hàng chậm lại so với quý 1/2021 do làn sóng dịch Covid-19 bùng phát vào tháng 4/2021.
- Tại thành phố Hồ Chí Minh, việc chậm cấp phép dự án vẫn đang là rào cản cho việc mở bán các căn hộ mới. Tuy nhiên, do nhu cầu về nhà ở tương đối cao ở Hồ Chí Minh nên lượng hấp thụ rất tốt. Có 3,968 căn được mở bán trong Q2, cao gấp đôi Q1, hơn +50% YoY. Lượng bán hàng cũng khá quan trọng, với 4700 căn, +140% YoY và 76% QoQ.
- Giá trung bình các phân khúc đều tăng nhẹ so với quý trước.
- Trong Q2/2021, hầu hết các chủ đầu tư lớn ghi nhận tăng trưởng doanh thu cao so với cùng kỳ năm ngoái vì lượng bán hàng trong 2019 và 2020 được hạch toán và bàn giao trong kỳ. Tương tự, LNST cũng tăng cùng với doanh thu.
- Giá thép và giá nguyên vật liệu xây dựng như bê tông, đá, cát... đã điều chỉnh giảm trong Q2.
- Tín dụng thị trường bất động sản tăng trưởng tương đương với tín dụng toàn ngành trong Q2 2021 đạt 5.4% lũy kế từ đầu năm.

**NHẬN ĐỊNH**

- Thị trường bất động sản nhà ở đang ở chu kỳ không thuận lợi khi mà lượng bán hàng toàn thị trường đều giảm mạnh mặc dù có tín hiệu khả quan trong Q2. Tuy nhiên làn sóng thứ 4 diễn biến phức tạp khiến việc cách ly xã hội diện rộng là rào cản cho việc phục hồi;
- Làn sóng Covid-19 mới trong tháng 5 đang làm tổn thương thị trường và chúng tôi cho rằng làn sóng này sẽ khó kiểm soát hơn cho đến khi vaccine được phổ biến. Chúng tôi sẽ tiếp tục quan sát thị trường để đánh giá khả năng hồi phục của thị trường.
- Duy trì đánh giá **Trung lập** với nhóm Bất động sản dân cư.

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG	06/08/21	3	171,500	Nắm giữ	184,000	7.3%	8.3%	-	-0.9%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	13.3%	-	1.8%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	36.8%	-	-2.7%
HAH	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	9.5%	-	129.8%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	10.8%	-	20.7%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Tăng tỷ trọng	41,000	14.7%	-	13.3%	29.9%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	96.8%	149.2%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	25.7%	44.9%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	22.3%	97.8%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	62.8%	185.5%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	4.5%	-	146.5%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	29.5%	64.6%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	8.3%	39.9%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	11.0%	87.3%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	11.9%	-	15.9%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	15.4%	-	25.8%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	4.7%
LAS	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	14.3%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	5.7%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	50.1%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	33.8%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	24.6%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-11.4%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	-1.3%
SSI*	20/05/21	36,000 - 39,000	51,000	33,000	1:2	57.2%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	21.7%
SMC	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	29.2%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	11.8%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	21.2%
GMD	07/04/21	35,000 - 36,200	55,000	32,700	1:5	33.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	43.6%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-0.4%
VIC*	26/03/21	109,000-114,000	145,000	107,000	1:4.5	-2.4%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	2.5%
GEG	08/03/21	18,000 - 19,200	28,000	16,800	1:4	-6.8%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-12.0%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	71.5%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	10.7%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	22.0%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	15.0%

<b>LAF</b>	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	3.4%
<b>VSH</b>	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	37.8%
<b>MSR</b>	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	1.4%
<b>SFI</b>	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	48.4%
<b>PGV</b>	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	36.8%
<b>CKG*</b>	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	131.2%
<b>DRI*</b>	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	123.7%

**Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
<b>SGR</b>	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000
<b>CEO</b>	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900
<b>PVD</b>	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900
<b>SAM</b>	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200

**ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC**

Thị trường mở cửa tích cực nhưng sau đó gần như không thể tăng thêm và suy yếu trong phần còn lại của ngày giao dịch. Dù giai đoạn cuối ngày có một chút hồi phục nhưng phiên ATC lại giảm điểm.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía giảm trên toàn thị trường và chênh lệch còn lớn hơn nếu xét riêng trong nhóm VN30. VHM tiếp tục là cái tên tác động tiêu cực nhất đến VNINDEX, theo sau bởi GAS, TCB, CTG, SAB... Trong khi ở chiều ngược lại, HPG là cái tên đóng góp nhiều điểm tăng nhất cho chỉ số chung, cùng với VIC, VCB, GVR, LPB... Cùng với HPG thì các cổ phiếu nhóm ngành Thép cũng có phiên giao dịch tích cực.

**VN-INDEX**



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX ngày 17/08/2021: (1) Biên độ dao động trung bình, mở cửa cao hơn đáng kể so với tham chiếu và thấp hơn một chút so với mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và cao hơn một chút so với mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và cao hơn trung bình.

⇒ Sự hưng phấn không được kéo dài sau khi mở cửa khiến thị trường suy yếu nhưng xét khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước thì cho thấy áp lực bán chưa hẳn quá nguy hiểm, nhất là khi chúng ta vẫn thấy có một sự hồi phục vào đoạn cuối ngày nhờ lực mua giá thấp. Với diễn biến này thì không loại trừ khả năng thị trường sau giai đoạn tăng ngắn hạn vừa qua đã bắt đầu bước vào điều chỉnh và có thể sẽ dao động, phân hóa. Việc VNMidCap tiếp tục diễn biến tích cực hơn VN30 là tín hiệu tích cực.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,230
Kháng cự	1,300
	1,380 – 1,420

## TIÊU ĐIỂM - NEWS FOCUS

### CTCP Đầu tư Thế giới Di động -MWG VN

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (mã chứng khoán: MWG) vừa thông báo chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền và bằng cổ phiếu năm 2020 vào ngày 31/8/2021.

Cụ thể, công ty sẽ chia cổ tức bằng cổ phiếu và bằng tiền mặt tỷ lệ 5%, tương ứng việc cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 500 đồng, với ngày thanh toán là 13/9/2021.

Ngoài ra, doanh nghiệp cũng đồng thời chốt danh sách nhận cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 2:1, tương ứng với việc cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ nhận thêm 1 cổ phiếu mới.

### CTCP Tập đoàn Masan- MSN VN

The Korea Economic Daily đưa tin, quỹ đầu tư Korea Investment PE sẽ đầu tư 200 triệu USD vào Tập đoàn Masan (HoSE: MSN). Thương vụ sẽ giúp quỹ này trở thành nhà đầu tư Hàn Quốc tiếp theo đầu tư vào Masan Group sau Quỹ hưu trí (NPS) và SK Group.

### CTCP Đầu tư Nam Long – NLG VN

Hội đồng quản trị (HĐQT) CTCP Đầu tư Nam Long (Mã: NLG) vừa thông qua giá phát hành 60 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư đăng ký mua là 33.500 đồng/cp, thấp hơn 23% thị giá kết phiên giao dịch ngày 16/8.

### CTCP Đầu tư Hải Phát – HPX VN

Ngày 7/9 tới đây CTCP Đầu tư Hải Phát (Hải Phát Invest – mã chứng khoán HPX) sẽ chốt danh sách cổ đông phát hành hơn 39,67 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020. Tỷ lệ phát hành 15%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận về 15 cổ phiếu mới.

## SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
HKC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	18/08/2021	19/08/2021	30/08/2021
GEX	HSX	Giao dịch 292.946.400 cp niêm yết bổ sung (2 đợt: 18/8/2021, 18/07/2022)			18/08/2021
GIL	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 5:1)	18/08/2021	19/08/2021	18/08/2021
FT1	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.500đ/cp)	18/08/2021	19/08/2021	20/09/2021
DNN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900đ/cp)	18/08/2021	19/08/2021	10/9/2021
TST	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	18/08/2021	19/08/2021	18/08/2021

**THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG**
**1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

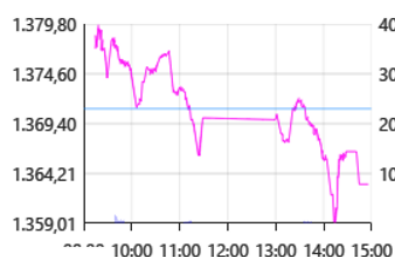
**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC**

**BIẾN ĐỘNG NGÀY**

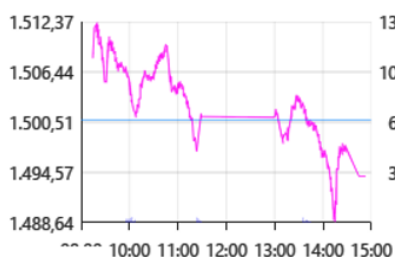
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,363.09	-0.57%	-7.87	768.61	25,774.4	148	32	232
Vn30 - Index	1,494.12	-0.44%	-6.65	225.89	12,469.4	6	2	22
Vn - Mid	1,687.24	-0.01%	-0.23	297.75	8,554.4	24	4	42
HNX - Index	343.11	-0.12%	-0.42	167.11	4,573.9	100	63	188
Upcom - Index	94.20	0.17%	0.16	78.24	1,547.6	180	59	107
VNX-ALL	2,282.56	-0.40%	-9.26	821.11	28,115.9	177	51	267

**BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY**

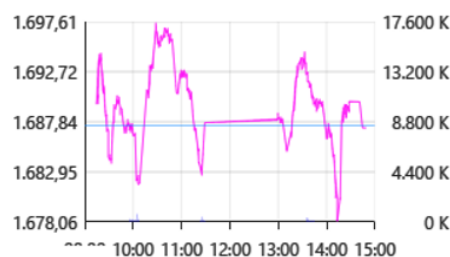
**VN-INDEX**



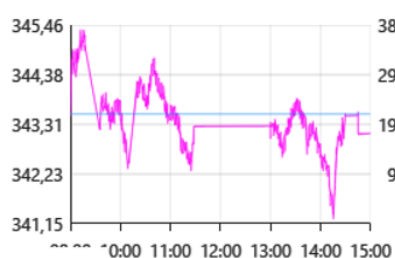
**VN30**



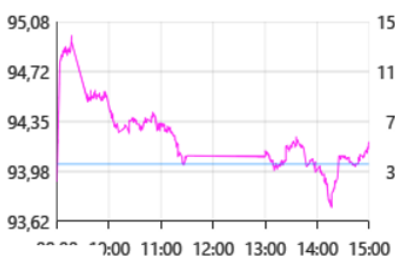
**VN-MID**



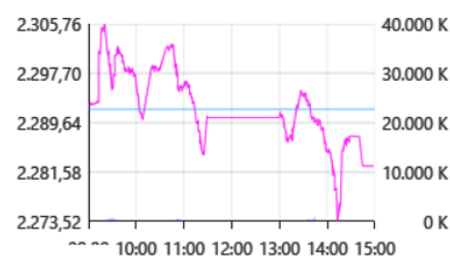
**HNX-INDEX**



**UPCOM**



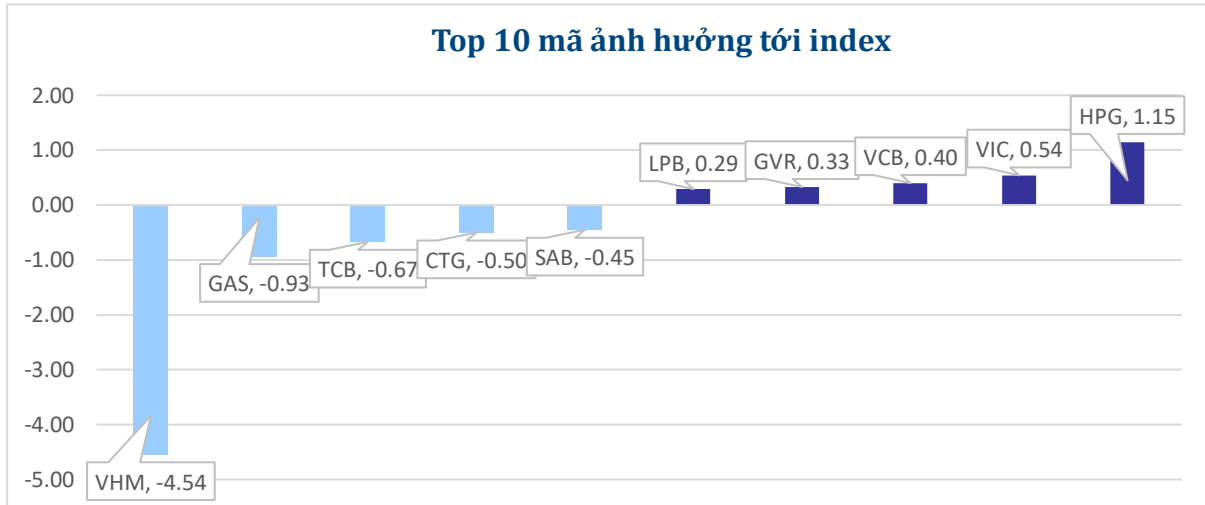
**VNX-ALL**



**THANH KHOẢN NGÀY**

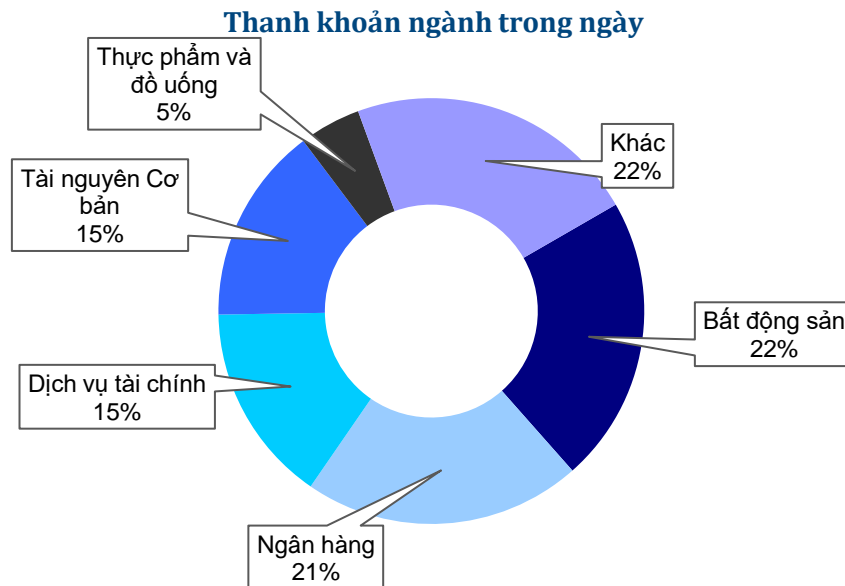
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	25,774.40	-6.29%	768.61	-7.14%
HNX	4,573.90	3.76%	167.11	-7.33%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**



Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HPG	45.48	HPG	2,283.7	DCL	359%	PHC	6.9%	NTL	-5.3%
SHB	29.77	VHM	2,251.5	SAB	336%	TNH	6.3%	DIG	-5.2%
LPG	24.03	SHB	877.8	TLH	238%	DCL	5.9%	HAH	-5.0%
HSG	21.90	HSG	860.9	LPB	230%	NKG	5.1%	TCM	-4.9%
STB	20.33	TCB	860.4	VHM	229%	HSG	4.5%	VGC	-4.6%

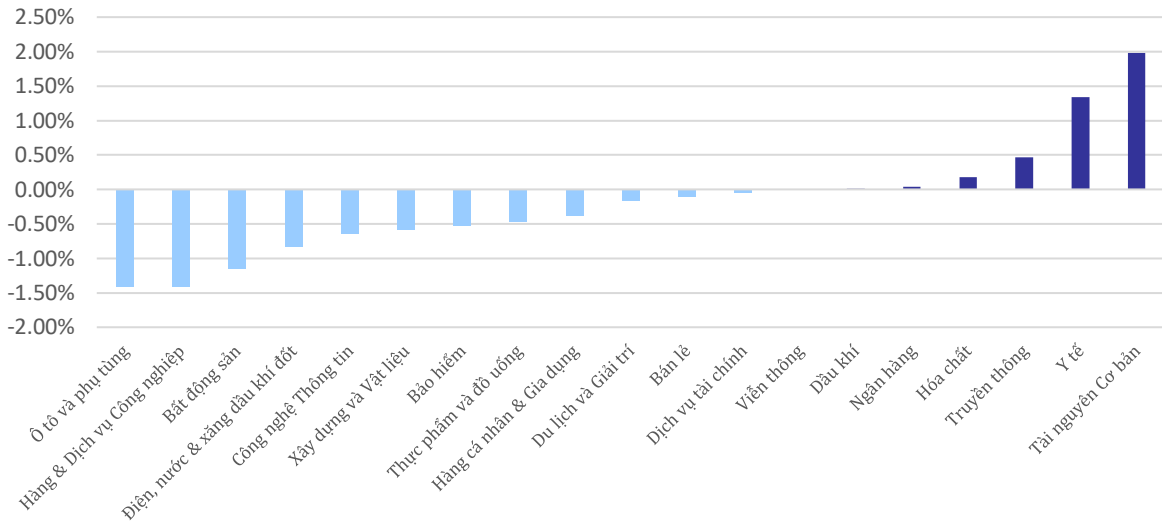
**NHÓM NGÀNH**







### Biến động các nhóm ngành trong ngày

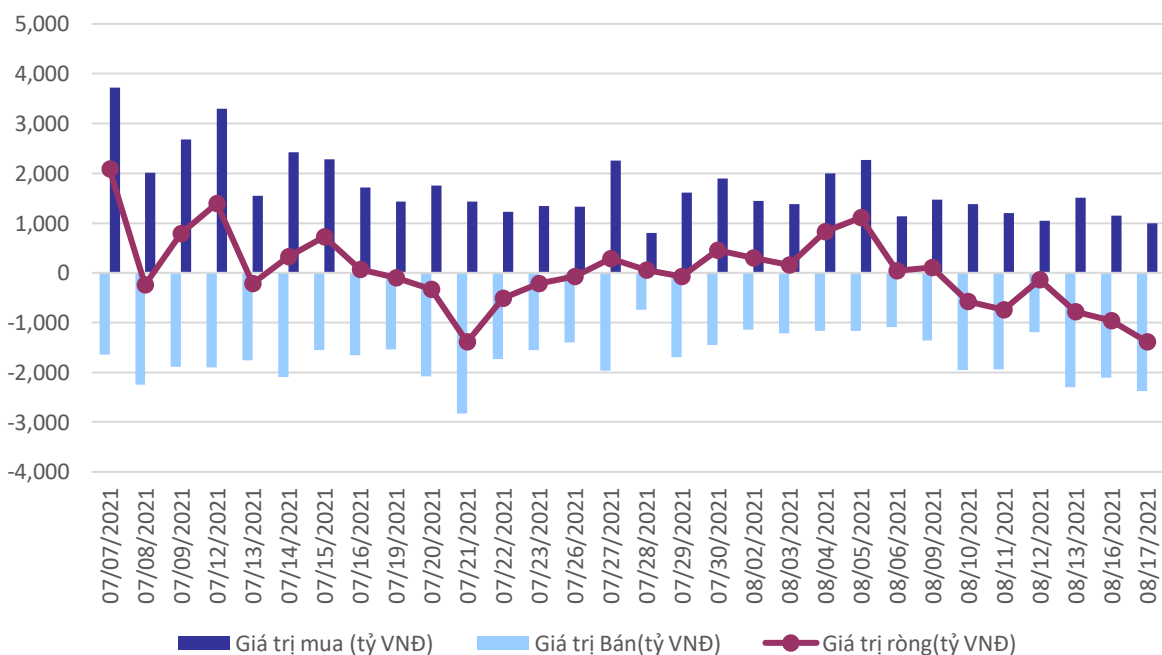


### GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 1,383.41 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 56.29 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HSG	33.71	VHM	508.13
DCM	26.16	VIC	245.12
DGC	21.48	HPG	163.55
DGW	16.03	GAS	57.85
STB	15.32	DPM	46.18

### Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





### XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq$ 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

### XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

### KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

<b>Thành viên</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Phụ trách</b>	<b>Email</b>	<b>Ext.</b>
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@gtjas.com.vn">nhungtth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đình Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709

<b>LIÊN HỆ</b>	<b>TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI</b>	<b>CHI NHÁNH TP. HCM</b>
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: <a href="mailto:ivs@gtjas.com.vn">ivs@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.ivs.com.vn">www.ivs.com.vn</a>	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696